



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2020

THƯ MỜI

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Kính gửi: Quý Cổ đông....
Số CMND/Hộ chiếu/GĐKDN:
Địa chỉ: ...
Số lượng cổ phần sở hữu:

Trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè theo thông tin sau:

- 1. Thời gian: 8 giờ 00, thứ Ba, ngày 28 tháng 04 năm 2020**
- 2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè (Số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. HCM)**
- 3. Chương trình làm việc và tài liệu Đại hội** được đăng tải trên trang tin điện tử Công ty: www.capnuocnhabe.vn từ ngày 18/04/2020.
- 4. Đăng ký tham dự:** Theo quy định, Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hay ủy quyền tham dự Đại hội theo mẫu biểu "*Giấy xác nhận tham dự/ Ủy quyền tham dự Đại hội*" đính kèm, gửi về **Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè - Số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 4, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh** hoặc fax về Công ty theo số **(028) 5412 2500 trước 16h00 ngày 24/04/2020**.

Đề nghị Quý cổ đông tham dự Đại hội có mặt theo giờ họp, mang theo *Thư mời, Giấy xác nhận tham dự, CMND hoặc hộ chiếu (bản chính)*. Nếu là người dự họp được ủy quyền, vui lòng mang theo *Thư mời họp, Giấy ủy quyền tham dự (bản chính), CMND hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (bản chính)*.

Để thực hiện tốt việc phòng, chống dịch bệnh Covid-19, Công ty cam kết tổ chức Đại hội an toàn, cố gắng với số lượng cổ đông vừa phải và đúng quy định. Để đảm bảo quyền quyết định, quyền lợi cổ đông và nếu không thuận tiện về tham dự Đại hội, Quý cổ đông có thể ủy quyền tham dự Đại hội hoặc cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị Công ty hoặc cho một cổ đông khác và thực hiện bằng Giấy ủy quyền (đính kèm) được nêu tại Mục 4 trên. Kèm theo thư mời này tại trang sau là Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị Công ty để Quý cổ đông biết và lựa chọn người ủy quyền tham dự.

Nếu cần nắm thêm thông tin về công tác tổ chức Đại hội, xin Quý cổ đông liên hệ Phòng Tổ chức hành chính Công ty: **ông Phạm Bá Hoan, điện thoại 0938 356 273**.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn An

**PHỤ ĐÍNH: Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè**

(Kèm theo Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2020 ký ngày 17/4/2020)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nơi làm việc
1	Ông NGUYỄN AN	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty	Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè
2	Ông LÝ THÀNH TÀI	Giám đốc Công ty	Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè
3	Ông BÙI THANH GIANG	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
4	Ông LÝ BỬU NGHĨA	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
5	Ông NGUYỄN NGỌC THÁI BÌNH	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty	Công ty cổ phần Cơ điện lạnh
6	Ông NGUYỄN ANH TUẤN	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty	Công ty cổ phần Cơ điện lạnh
7	Ông NGUYỄN THANH TÙNG	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty	Ngân hàng Thương Mại CP Đông Á

Ghi chú: Hướng dẫn cách ghi Giấy ủy quyền tham dự Đại hội:

Nếu Quý cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội thì có thể chọn lựa một trong hai đối tượng được ghi trên biểu mẫu “Giấy ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020”. Cách ghi và ký xác nhận như sau:

- **Hoặc** chọn một trong các Thành viên Hội đồng quản trị Công ty theo danh sách trên, thì ghi họ tên và chức vụ của Thành viên Hội đồng quản trị mà quý vị chọn ủy quyền; ghi xong Giấy ủy quyền thì ký tên vào ô “Xác nhận ủy quyền” (ô bên phải). Thành viên Hội đồng quản trị được quý vị chọn ủy quyền sẽ ký tên “Người được ủy quyền” (ô bên trái) trước giờ khai mạc Đại hội, khi Giấy ủy quyền được gửi về Công ty.
- **Hoặc** chọn người khác, thì ghi Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp và nơi cấp của chứng từ. Giấy ủy quyền phải có đủ 02 chữ ký “Xác nhận ủy quyền” (ô bên phải) và “Người được ủy quyền” (ô bên trái).



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Họ và tên cổ đông: Mã tham dự:

Tên người đại diện (nếu là tổ chức):

Số CMND/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp:

Địa chỉ

Hiện đang sở hữu (bằng số): cổ phần Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Bằng chữ:

Theo Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, tôi/chúng tôi xác nhận việc tham dự Đại hội đồng cổ đông như sau: (Đánh dấu chọn 01 trong 02 mục dưới đây)

1) Tôi trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty
(Nếu chọn mục 1 này, quý vị không cần thực hiện mục số 2 tiếp theo)

2) Tôi ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội theo thông tin dưới đây:
(Nếu chọn mục 2 này, quý vị chọn hoặc điểm a hoặc điểm b bên dưới)

a. Ủy quyền cho Thành viên Hội đồng quản trị Công ty tham dự Đại hội:

Là ông Chức vụ:

b. Ủy quyền tham dự Đại hội cho ông/bà

Số CMND/Hộ chiếu: ngày cấp:

Nơi cấp:

Nội dung ủy quyền: Bên được ủy quyền được đại diện cho bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè, tham gia đóng góp ý kiến và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội. Quyền biểu quyết được tính tương ứng với số cổ phần đại diện.

Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị ngay khi phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè kết thúc hoặc được thay thế bằng văn bản hủy bỏ việc ủy quyền gửi đến Chủ tọa cuộc họp trước giờ khai mạc Đại hội theo quy định.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ khiếu nại nào về sau.

....., ngày tháng năm 2020

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

XÁC NHẬN THAM DỰ /ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

GHI CHÚ:

- ✓ Người được ủy quyền không ủy quyền lại cho người khác và khi đi dự họp phải mang theo CMND/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu và Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông của người ủy quyền (là bản sao y công chứng hoặc bản chính).
- ✓ Nếu Quý cổ đông chọn mục 2.a, tức người được ủy quyền là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty thì không thực hiện phần ký tên “Người được ủy quyền”; Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền sẽ ký tên khi Giấy xác nhận này được gửi đến Công ty.
- ✓ Giấy xác nhận này, sau khi được điền đầy đủ thông tin tham dự hay ủy quyền tham dự Đại hội và ký xác nhận, vui lòng gửi về: Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè - Số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh hoặc Fax theo số (028) 5412 2500 trước 16h00 ngày 24/4/2020 hoặc scan gửi qua email: “tchccapnuocnhabe@gmail.com”. Khi đến dự Đại hội xin mang theo bản chính (nếu chưa gửi bản chính về Công ty).



**CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

Thời gian dự kiến	Nội dung chương trình
7h30 : 8h00	Đón tiếp Quý Cổ đông, Đại biểu
8h00 : 8h05	Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu
8h05 : 8h10	Báo cáo Kết quả thăm tra tư cách cổ đông
8h10 : 8h20	Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban kiểm phiếu và Đoàn Thư ký
8h20 : 8h25	Hướng dẫn thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội
	Thông qua Chương trình làm việc tại Đại hội
8h25 : 8h45	Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2019 (kèm Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán) và Phương hướng hoạt động năm 2020
8h45 : 8h50	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020
8h50 : 09h00	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020
09h00 : 9h20	Trình: <ul style="list-style-type: none">- Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2019- Thù lao của HDQT và BKS năm 2020- Ủy quyền thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2020 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV- Danh sách các Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020
	Thảo luận và biểu quyết
	Giải lao
	Công bố kết quả biểu quyết của cổ đông
10h20 : 10h30	Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020
10h30 : 10h40	Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020
10h40 : 10h45	Bế mạc Đại hội



Số: **0939**/BC-CNNB-KHVTTH Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO
Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2019
và phương hướng hoạt động năm 2020

I/ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Hoạt động sản xuất-kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè năm 2019 được căn cứ vào quy định pháp luật và chính sách của ngành cấp nước; cụ thể như sau:

- Yêu cầu duy trì chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch theo nội dung Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2019; Giá nước mới được áp dụng từ tháng 12/2019 theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy Ban nhân dân Thành phố về ban hành giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh lộ trình 2019 - 2022;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2019 của Đại Hội đồng cổ đông năm 2020, các nghị quyết định kỳ và Quyết định số 18/QĐ-CPCNNB-HĐQT ngày 24/4/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2019;

- Công ty tự chủ tài chính từ các nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh.

B. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH - TÀI CHÍNH NĂM 2019

1) Về kinh doanh nước sạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019	TH 2019	So sánh (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	$3=2/I$
a. Sản lượng nước tiêu thụ:	1.000m ³	71.400	70.919	99,33
Trong đó, cho Cần Giuộc Long An	1.000m ³	-	1.118	
b. Doanh thu tiền nước	tr. đồng	649.740	655.135	100,83
c. Tỷ lệ thất thoát nước	%	16,80	13,08	-3,72

- Sản lượng nước cung cấp đạt 70,919 triệu m³, tăng 1,9 triệu m³ so với năm 2018 (69,013 triệu m³); mức thực hiện sản lượng thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch do áp lực tại một số khu vực cuối nguồn còn hạn chế và khách hàng ít gắn mới đồng hồ nước trong quý IV/2019. Doanh thu tiền nước vượt 0,83% kế hoạch nhờ tăng được giá bán bình quân trong công tác quản lý khách hàng; doanh thu nước đóng chai đạt mức khiêm tốn với 5,316 tỷ đồng trong điều kiện chính sách hạn chế sử dụng vật phẩm nhựa.

- Cùng với việc sớm phát hành hóa đơn tiền nước đến khách hàng qua phương thức hóa đơn điện tử, Công ty triển khai lộ trình tăng kênh thu hộ và giảm dần khoản

thu tiền mặt; tỷ lệ thực thu tiền nước đạt trên 99,05%; số lượng hóa đơn tồn cuối năm 2019 chỉ chiếm 0,95%. Nhờ vậy, góp phần tăng vòng quay vốn trong sản xuất kinh doanh.

- Điểm nổi bật trong năm 2019 là làm tốt công tác quản lý mạng lưới cấp nước trên 856 km đường ống; nên tỷ lệ thất thoát nước giảm -3,72% so với năm trước; góp phần giảm 1,9 triệu m³ nước sạch mua vào; nhờ vậy trực tiếp giảm đáng kể giá vốn hàng bán và tăng được lợi nhuận kinh doanh.

2) Về công tác chăm sóc khách hàng và phát triển mạng lưới:

- Nhằm duy trì chỉ tiêu 100% hộ dân được cung cấp nước sạch, cùng với việc tập trung phát triển mạng lưới cấp nước, Công ty nỗ lực giải quyết tất cả hồ sơ gắn mới đồng hồ nước theo yêu cầu khách hàng, trong đó 60% đơn thuộc địa bàn Huyện Nhà Bè:

Quận 4	Quận 7	Huyện Nhà Bè	Cộng
126 cái	1.630 cái	2.583 cái	4.339 cái

- Công ty thực hiện tốt việc chăm sóc khách hàng qua việc tăng mức ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiệp vụ giao tiếp, tạo thêm thuận lợi cho khách hàng và phù hợp với xu thế phát triển như: phát hành hóa đơn điện tử, mở rộng các kênh thanh toán không dùng tiền mặt, vận hành Trung tâm (tổng đài) chăm sóc khách hàng trực tuyến nhằm giải quyết nhanh thông tin đầu vào theo yêu cầu khách hàng;

- Về nghiệp vụ kinh doanh cấp định mức nước và áp dụng giá biểu, Công ty đã thực hiện tốt việc tính đúng giá nước theo đối tượng; đã điều chỉnh đúng quy định các khách hàng thuộc đối tượng giá kinh doanh - dịch vụ và kiểm soát tốt định mức khách hàng; nhờ vậy giá bán bình quân 2019 đạt 9.385,85 đồng/m³ (tăng 291,51 đồng/m³ so với năm trước), góp phần tăng doanh thu tiền nước.

3) Về công tác xây dựng cơ bản và quản lý mạng lưới:

- Công tác xây dựng cơ bản chủ yếu tập trung vào việc phát triển, sửa chữa, nâng cấp hệ thống mạng lưới cấp nước; chi phí cho các dự án mạng lưới cấp nước hoàn toàn sử dụng các nguồn của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh (%)
a) Phát triển mạng lưới	mét	6.436	5.972	92,8
b) Sửa chữa ống mục	mét	3.973	4.372	110,0
c) Hàm đồng hồ tổng	cái	7	8	114,3

- Công ty đã triển khai được tất cả danh mục công trình xây dựng cơ bản được Hội đồng quản trị phê duyệt; với 5 công trình phát triển mạng lưới cấp nước, 4 công trình sửa chữa ống mục. Công tác xây dựng cơ bản về mạng lưới cấp nước tuy hoàn thành kế hoạch, nhưng kết quả thực hiện thường vào cuối năm, nên phát huy tác dụng của các công trình này trong năm tài chính là không nhiều.

- Để quản lý mạng lưới 856 km đường ống trên toàn địa bàn, Công ty vận hành khá tốt hệ thống 136 đồng hồ nước tiểu vùng (DMA); bằng việc thường xuyên kiểm tra theo dõi tình trạng hoạt động của từng DMA, nắm rõ tỷ lệ thất thoát nước trung bình, để xử lý kịp thời các biến động gây thất thoát nước tại các đầu nối. Nhờ vậy đến cuối

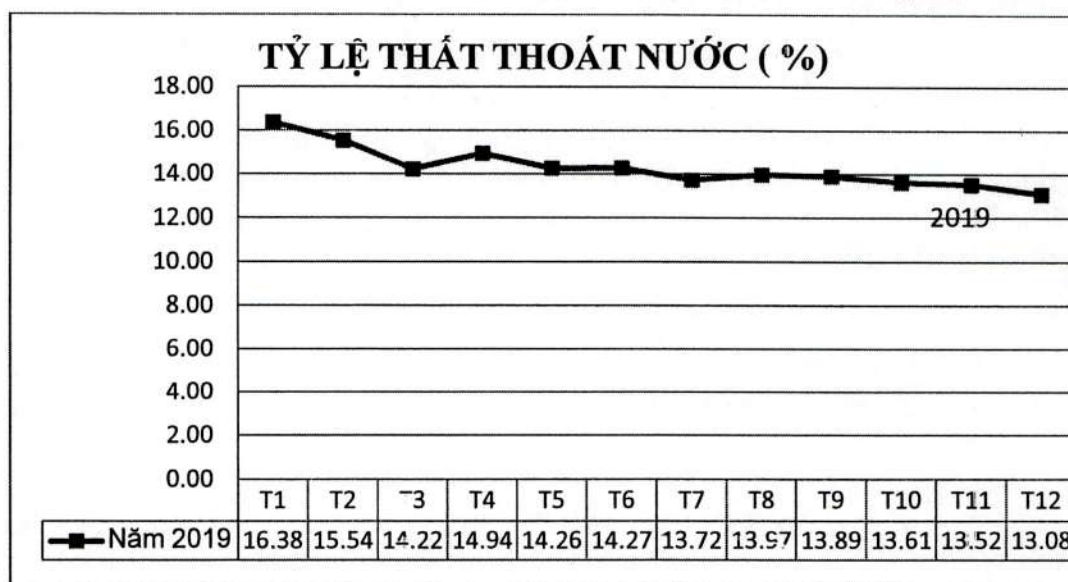
năm 2019, tỉ lệ thất thoát nước duy trì bền vững ở mức thấp; bình quân 13,08% của năm 2019 là mức thấp nhất trong những năm qua; giảm 3,72% KH và thấp hơn 4,27% so với năm 2018.

Tỷ lệ thất thoát nước tại hệ thống các đồng hồ nước tiểu vùng (DMA) năm 2019:

	Tỷ lệ thất thoát nước			
	Dưới 10%	Từ 10% đến dưới 15%	Trên 15%	Mở biên, tăng áp, làm hầm điều áp, mới lắp ĐHT...
Số lượng DMA	49	37	32	18

- Mặt khác, công tác giảm nước thất thoát thất thu còn được tập trung vào các giải pháp chủ động như: tăng cường triển khai công tác dò tìm sửa bể, tích cực thực hiện thám sát công rãnh nhằm bít hủ các điểm hở trên tuyến ống do công trình thi công cầu đường hay hệ thống thoát nước; sử dụng các thiết bị công nghệ có tính chính xác cao trong công tác đo đếm lưu lượng nước tại các DMA, thay thế dần các loại vật tư chất lượng cao nhằm nâng hệ số an toàn cho mạng lưới cấp nước.

- Tỷ lệ thất thoát nước năm 2019 giảm bền vững được thể hiện qua biểu đồ sau:



4) Kết quả tài chính:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh (%)
A	1	2	3=2/1
1. Tổng doanh thu	661.240	666.949	100,86%
2. Tổng Chi phí	646.250	648.976	100,42%
3. Lợi nhuận trước thuế	14.990	17.973	119,90%

- Công ty thực hiện đúng chế độ kế toán hiện hành và các quy định pháp luật của Nhà nước về tài chính. Kết quả kinh doanh năm 2019 là khá tốt qua việc tăng trưởng

tổng doanh thu - đạt 666.949 triệu đồng, cao hơn năm trước 23,8 tỷ đồng và vượt 0,86% KH; lợi nhuận trước thuế đạt 17.973 triệu đồng, cao hơn năm trước 3,388 tỷ đồng và vượt 19,90% KH.

- Hiệu quả tài chính nêu trên là kết quả tổng hợp của nhiều mặt tích cực; *trước hết*, là việc giảm bền vững nước thất thoát thất thu và quản lý tốt trên 131 ngàn khách hàng; *hai là*, tính toán kỹ lưỡng đối với việc mua sắm, sử dụng vật tư - trang thiết bị trong hoạt động; *ba là*, huy động được năng lực của nguồn cán bộ quản lý giỏi và nhất là tinh ý thức, trách nhiệm của tất cả người lao động trong quá trình làm việc tại Công ty.

5) Về công tác quản trị doanh nghiệp và thông tin cổ phiếu NBW năm 2019:

- Công ty duy trì 13 bộ phận thuộc 3 khối : ⁽¹⁾ Kỹ thuật (Phòng Kỹ thuật, Ban Quản lý dự án, Phòng Giám nước không doanh thu, Phòng Quản lý họa đồ GIS, Đội Thi công tu bổ), ⁽²⁾ Kinh doanh (Phòng Kinh doanh, Đội Thu tiền, Đội Quản lý đồng hồ nước, Xí nghiệp nước SawaNew) và ⁽³⁾ Tham mưu (Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế toán tài chính, Phòng Kế hoạch vật tư, Phòng Công nghệ thông tin). Sản phẩm nước đóng chai Sawanew luôn giữ được chất lượng nước uống tinh khiết, góp phần nâng cao hình ảnh cộng đồng và thương hiệu Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

- Cùng với việc điều chỉnh, bổ sung quy định nội bộ, Công ty tiếp tục khai thác và hoàn chỉnh Hệ thống ISO 9001:2015, 22000 & HACPP, nhờ vậy, việc đánh giá chất lượng công tác hàng năm của các bộ phận chính xác, khách quan.

- Nâng cao mức ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh: đọc chỉ số số bằng điện thoại thông minh; vận hành đồng hồ tổng sử dụng pin năng lượng mặt trời có tích hợp hệ thống thu thập dữ liệu tiêu thụ từ xa; đưa vào hoạt động Tổng đài chăm sóc khách hàng trực tuyến (Call Center - 1900 1210), quản lý dữ liệu trên nền GIS.

- Công ty thực hiện chế độ công bố thông tin đúng quy định hiện hành.

- Thông tin cổ phiếu Công ty NBW năm 2019 được giao dịch trên thị trường chứng khoán từ ngày 01/01/2019 đến 30/12/2019 tại trang “cophieu68.vn” như sau:

+ Tổng khối lượng cổ phiếu khớp lệnh là: 147.030 cổ phiếu;

+ Giá khớp lệnh thấp nhất: 16.300 đồng/ cổ phiếu; Giá khớp lệnh cao nhất: 36.500 đồng/ cổ phiếu; Giá khớp lệnh bình quân: 20.818,87 đồng/ cổ phiếu.

6) Đánh giá chung:

Trên cơ sở thực hiện đúng quy định pháp luật và sự nỗ lực vượt bậc của toàn thể người lao động, năm 2019 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thường niên và Hội đồng quản trị Công ty giao. Đó là việc đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, liên tục cho nhu cầu nước sinh hoạt cho tất cả hộ gia đình và nước sản xuất - kinh doanh cho các tổ chức tại Quận 4, Quận 7, Huyện Nhà Bè và tiếp tục cấp nước đến các xã vùng hạ Huyện Cần Giuộc, Long An. Kết quả tốt về sản xuất - kinh doanh năm 2019 là sự tăng trưởng các chỉ tiêu tài chính như tổng doanh thu, lợi nhuận; đã góp phần tăng giá trị tài sản Công ty, bảo đảm được lợi ích cổ đông về cổ tức và là tín hiệu tích cực cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

Tuy có những chuyển biến tích cực nhưng việc ứng dụng công nghệ thông tin cho hoạt động sản xuất kinh doanh còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu định hướng xây

dựng doanh nghiệp cấp nước thông minh tại khu vực đô thị kiểu mẫu Quận 7 và mô hình TP. Hồ Chí Minh là “Thành phố thông minh”.

II/ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

Năm 2020, giá nước tiếp tục được điều chỉnh với lộ trình 2019 - 2022 theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hứa hẹn sẽ góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

Tuy nhiên, với diễn biến hết sức phức tạp và khó lường của dịch bệnh Covid-19 làm cho các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn bị đình trệ, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, dự kiến năm 2020 cũng là một năm đầy thách thức đối với Công ty, đặc biệt là kế hoạch sản lượng nước tiêu thụ.

Ban điều hành xây dựng phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

1) Chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu:

Năm 2020 Công ty nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	Tăng trưởng
1. Sản lượng nước tiêu thụ	1.000 m ³	70.919	73.500	+3,64%
2. Tổng doanh thu	triệu đồng	666.949	753.845	+13,0%
3. Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	17.973	18.606	+3,52%

2) Nhiệm vụ trọng tâm:

Tập trung tổ chức thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty năm 2020. Cụ thể qua các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Thực hiện tốt chương trình cấp nước an toàn, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân trong vùng phục vụ, đảm bảo 100% hộ dân được cấp nước sạch;
- Triển khai các giải pháp tăng trưởng sản lượng nước cung cấp;
- Tiếp tục triển khai các giải pháp chuyên sâu về giảm nước thất thoát, nhằm giảm bền vững tỷ lệ nước thất thoát thất thu;
- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng;
- Quản lý sử dụng hiệu quả vốn kinh doanh, bảo toàn công vốn Nhà nước, duy trì chính sách tài chính doanh nghiệp đúng quy định pháp luật;
- Xây dựng Công ty theo hướng hiện đại: nâng cao mức ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý theo hướng xây dựng doanh nghiệp cấp nước thông minh, góp phần quảng bá thương hiệu Công ty.

3) Giải pháp thực hiện

Để thực hiện được nhiệm vụ trọng tâm và các chỉ tiêu nêu trên, Công ty sẽ triển khai các giải pháp thực hiện như sau:

- Triển khai các dự án phát triển và hoàn chỉnh mạng lưới cấp nước; thực hiện gắn mới đồng hồ nước kịp thời theo nhu cầu của khách hàng; tiếp tục cấp nước và nghiên cứu mở rộng địa bàn cấp nước tại Cần Giuộc, tỉnh Long An; đảm bảo tăng trưởng doanh thu, tăng lợi nhuận và làm tròn nghĩa vụ cổ tức cho cổ đông;

- Triển khai công tác dò tìm và sửa bể chủ động theo kế hoạch giảm nước thất thoát thất thu; xây dựng các giải pháp kết hợp về kỹ thuật và kinh doanh trong công tác quản lý địa bàn để tăng lượng nước cấp và tiếp tục giảm lượng nước thoát; lập thêm tiểu vùng DMA trong công tác phân vùng tách mạng để quản lý tốt mạng lưới; sử dụng vật tư ngành nước chất lượng;

- Kiểm soát tốt chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trong công tác xây dựng cơ bản và mua sắm;

- Làm tốt công tác quản lý khách hàng, tổ chức tốt công tác đọc số và công tác thu tiền nước; tiến tới không thu tiền nước bằng tiền mặt tại nhà khách hàng theo yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh doanh và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng;

- Triển khai thêm ứng dụng quản lý và khai thác dữ liệu cấp nước trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) vào nghiệp vụ kỹ thuật và kinh doanh; đẩy mạnh việc cải cách hành chính và nâng mức ứng dụng công nghệ thông tin trong việc trao đổi thông tin và xây dựng mối liên kết thông tin giữa các Phòng - Ban - Đội qua kênh Văn phòng điện tử; điều chỉnh quy chế làm việc theo hướng xây dựng doanh nghiệp cấp nước thông minh;

- Xây dựng thái độ; tác phong làm việc thân thiện, tạo thêm tiện ích cho khách hàng; từng bước xây dựng Công ty nề nếp hiện đại; tu sửa có kế hoạch về cơ sở vật chất làm việc, trụ sở Công ty... tạo điều kiện làm việc thuận lợi, khang trang hơn cho công nhân viên. Tiếp tục duy trì sản phẩm nước uống tinh khiết Sawanew trên cơ sở nâng cao tính hiệu quả và hình ảnh của thương hiệu "Cấp nước Nhà Bè".

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ 2020;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu CV (TCHC, KHVTTTH)

GIÁM ĐỐC



Lý Thành Tài



**BÁO CÁO
Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè báo cáo hoạt động năm 2019 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

1) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2019, ông Nguyễn An- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thay thế ông Nguyễn Doãn Xã (chuyển công tác sang đơn vị khác) và ông Lý Bửu Nghĩa thay thế bà Nguyễn Hương Lan (nghỉ hưu theo chế độ). Từ tháng 4/2019, Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2017 – 2022 có 07 thành viên:

Họ và tên	Cổ phần sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu	
	Cổ phiếu	Tỉ lệ (%)	Cổ phiếu	Tỉ lệ (%)
1. Nguyễn An	0	0	1.456.318 (SWC)	13,36
2. Bùi Thanh Giang	0	0	1.456.318 (SWC)	13,36
3. Lý Thành Tài	5.000	0,046	1.456.318 (SWC)	13,36
4. Lý Bửu Nghĩa	0	0	1.456.318 (SWC)	13,36
5. Nguyễn Thanh Tùng	0	0	1.090.000 (DAB)	10,00
6. Nguyễn Ngọc Thái Bình	0	0	(Độc lập)	0
7. Nguyễn Anh Tuấn	0	0	(Độc lập)	0

2) Kết quả sản xuất kinh doanh:

Năm 2019, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên

năm 2019 và các nghị quyết số của Hội đồng quản trị Công ty. Trong đó, tập trung thực hiện chương trình cấp nước an toàn, triển khai có hiệu quả các giải pháp kinh doanh và kỹ thuật trên cơ sở nâng cao chất lượng công tác quản lý kỹ thuật - kinh doanh; vận hành, khai thác tốt mạng lưới cấp nước, giảm bề vững nước thất thoát và nâng cao dần chất lượng dịch vụ khách hàng.

Hiệu quả kinh doanh năm 2019 là khá tốt thể hiện qua sự tăng trưởng các chỉ tiêu cơ bản như: Sản lượng nước cung cấp đạt 70,919 triệu m³, cao hơn năm trước trên 1,9 triệu m³; giá bán bình quân tăng 161 đồng/m³, góp phần tăng doanh thu tiền nước 27,5 tỷ đồng và tổng doanh thu đạt 100,9% KH.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu	KH 2019	TH 2019	TH/KH (%)
1. Sản lượng nước (triệu m ³)	71,400	70,919	99,32
2. Tổng doanh thu (tỷ đồng)	661,240	666,949	100,86
3. Doanh thu tiền nước (tỷ đồng)	649,740	655,135	100,83
4. Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	14,990	17,973	119,90

Trong công tác chống thất thoát nước, Công ty triển khai có hiệu quả công tác dò tìm sửa bể chủ động, tích cực thực hiện việc thám sát công rãnh nhằm bít hủ các điểm hở trên tuyến ống do công trình thi công hệ thống thoát nước. Công ty từng bước nâng cao chất lượng vật tư, giúp cho hệ số an toàn của mạng lưới cấp nước ngày càng được nâng cao. Điểm tích cực nhất trong năm qua là công tác quản lý hệ thống cấp nước trên toàn địa bàn được thực hiện chủ động qua việc vận hành khá hiệu quả 122 đồng hồ nước tiểu vùng (DMA). Đến cuối năm, 53 DMA (chiếm 43,4%) có tỉ lệ thất thoát nước dưới 10%, 59 DMA (chiếm 48,4%) có tỉ lệ thất thoát nước từ 10% đến 20%; nhờ vậy, tỉ lệ nước thất thoát giảm bền vững và đạt mức thấp nhất từ trước tới nay là 13,08 % (thấp hơn 4,27% so với năm trước), nên góp phần giảm đáng kể giá vốn hàng bán và trực tiếp nâng cao lợi nhuận hơn năm trước 3,368 tỷ đồng và vượt 19,9% KH.

Mặt khác, theo yêu cầu về cấp nước an toàn trên toàn Thành phố, Công ty nỗ lực kiểm soát nguồn nước cấp qua việc đảm bảo chất lượng nước sạch và duy trì đủ áp lực cho tất cả trên 131 ngàn đầu nối, nhất là các khách hàng lớn như Khu dân cư Phú Mỹ Hưng (20.650 m³/ngày), Khu Chế xuất Tân Thuận (12.250 m³/ngày), Khu Công nghiệp Hiệp Phước (3.000 m³/ngày). Và tiếp tục cấp nước ổn định cho khách hàng vùng giáp ranh thuộc huyện Cần Giuộc, Long An - bình quân 3.400 m³/ngày .

Giải pháp tiếp tục cải tiến thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng... cũng được triển khai tích cực. Cuối năm 2019, Công ty đưa vào khai thác Trung tâm chăm sóc khách hàng qua cuộc gọi (Call Center), khai thác các tiện ích về công nghệ thông tin như mở rộng ứng dụng kênh thông tin địa lý (GIS) trên các phân hệ quản lý dữ liệu chuyên ngành (NhabeGis), vận hành phân hệ quản lý sự cố, quản lý thông tin thay đồng hồ nước; nâng cấp hệ thống phát hành hóa đơn tiền nước “Billing Nhabe”, phát hành hóa đơn điện tử, và chia sẻ thông tin nội bộ qua Hệ văn phòng điện tử Công ty...

3) Về hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty, Quy chế quản trị nội bộ hiện hành. Thành viên Hội đồng quản trị là những người kinh nghiệm trong công tác quản trị doanh nghiệp và có tâm huyết đối với các hoạt động tại Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự đầy đủ các phiên họp và thể hiện được tinh thần trách nhiệm, tính cẩn trọng và thực hiện đúng thẩm quyền trong việc xây dựng chính sách thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

Năm 2019, Hội đồng quản trị họp 06 phiên và 01 lần lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét các vấn đề về kế hoạch và báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh tài chính quý/ năm; các chủ trương về đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm vật tư, trang thiết bị và phân bổ nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh. Hầu hết các quyết định của Hội đồng quản trị thông qua đều đạt được sự đồng thuận cao của các thành viên. Theo đó, đã định hướng đúng cho mọi hoạt động của Công ty, bảo đảm được sự tăng trưởng giá trị tài sản và lợi nhuận. Số buổi tham dự họp Hội đồng quản trị năm 2019 của các thành viên như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi dự họp HĐQT	Tỷ lệ dự họp
1	Nguyễn Doãn Xã Nguyễn An	Chủ tịch	6	100%
2	Lý Thành Tài	Thành viên	6	100%
3	Bùi Thanh Giang	Thành viên	6	100%
4	Nguyễn Hương Lan Lý Bửu Nghĩa	Thành viên	6	100%
5	Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	6	100%
6	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	6	100%

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi dự họp HĐQT	Tỷ lệ dự họp
7	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	6	100%

Ghi chú: Ngày 24/04/2019, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã miễn nhiệm ông Nguyễn Doãn Xã (Chủ tịch HĐQT), bà Nguyễn Hương Lan và bầu người thay thế là ông Nguyễn An (Chủ tịch HĐQT), ông Lý Bửu Nghĩa.

Công ty thực hiện chế độ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật. Đối với Chủ tịch chuyên trách, tiền lương áp dụng theo hệ thống thang, bảng lương hiện hành của Công ty; đối với thành viên không chuyên trách, thù lao thực hiện theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

(Phụ đính: Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019)

4) Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty thể hiện đúng mối quan hệ công tác với Hội đồng quản trị theo Điều lệ Tổ chức - hoạt động, Quy chế về quản trị nội bộ Công ty và theo ủy quyền của Hội đồng quản trị Công ty đối với các giao dịch mua bán với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Trong quản trị doanh nghiệp, Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành về chế độ tài chính, nghĩa vụ thuế và phí bảo hiểm. Trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Giám đốc Công ty thể hiện tốt vai trò chỉ huy; chỉ đạo triển khai tích cực các giải pháp quản lý dòng tiền kinh doanh, giảm nước thất thoát, tăng trưởng sản lượng và doanh thu, bảo đảm hiệu quả kinh doanh theo định hướng tại các nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty.

Mối quan hệ trong nội bộ Ban Giám đốc Công ty là khá tốt qua sự phân công nhiệm vụ cụ thể. Các thành viên Ban giám đốc có năng lực công tác, có chuyên môn giỏi, được tập thể người lao động tin nhiệm và thể hiện được tính thống nhất trong các quyết định thuộc các lĩnh vực chuyên môn cấp nước về mặt kinh doanh và kỹ thuật. Nhờ vậy, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 đạt hiệu quả cao.

II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1) Định hướng hoạt động:

Với mục tiêu xây dựng doanh nghiệp cấp nước hướng tới hiện đại, thân thiện với khách hàng, làm tròn sứ mệnh cấp nước tại khu vực đô thị thông minh, định hướng của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Nhà Bè trong năm 2020 và những năm tới là:

Một là, “tập trung thực hiện mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao”

- Hai là, “**thực hiện tốt chương trình cấp nước an toàn**” cho nhu cầu sử dụng nước của tất cả dân cư và tổ chức trên địa bàn; luôn bảo đảm tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch thuộc vùng phục vụ; tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao hình ảnh thân thiện với khách hàng trong hoạt động cấp nước bằng nhiều kênh dịch vụ tiện ích và thuận lợi cho khách hàng sử dụng nước, tham gia xây dựng khu vực đô thị thông minh trong hoạt động cấp nước, góp phần xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh có chất lượng sống tốt;

- Ba là, “**bảo đảm hiệu quả kinh doanh nước sạch**” trên cơ sở tiếp tục triển khai các giải pháp chuyên sâu về mặt kỹ thuật là tập trung nâng cao chất lượng vận hành hệ thống cấp nước để thực hiện yêu cầu giảm bền vững tỉ lệ thất thoát nước; về nghiệp vụ kinh doanh là kiểm soát tốt tất cả đầu nối, nhất là khách hàng có mức tiêu thụ cao; khai thác hiệu quả các tiêu chí kinh doanh để nâng cao chất lượng cấp nước; qua đó, tích cực nâng cao sản lượng nước cung cấp, tăng trưởng doanh thu tiền nước, hạ thấp chi phí kinh doanh và thực hiện yêu cầu nâng cao lợi nhuận;

- Bốn là, “**từng bước xây dựng Công ty theo hướng hiện đại**” thông qua việc tích cực nâng cao mức ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị doanh nghiệp và các hoạt động quản lý, trước hết là nghiệp vụ quản lý khách hàng; quản lý và khai thác tốt dữ liệu mạng lưới và dữ liệu khách hàng phục vụ hoạt động cấp nước trên nền công nghệ 4.0; tiếp tục cải cách hành chính theo hướng giảm, bỏ thủ tục nội bộ, tăng tính tiện ích và thuận lợi cho khách hàng; đầu tư dần phương tiện làm việc tiện ích và cơ sở vật chất chất lượng cao; từng bước xây dựng văn phòng làm việc khang trang, lịch sự; ổn định lao động và làm tốt công tác xây dựng bộ máy và tổ chức cán bộ theo hướng chuyên nghiệp;

- Năm là, “**tiếp tục cấp nước và nghiên cứu mở rộng hoạt động cấp nước vùng giáp ranh thuộc cần Giuộc, Long An**”. Trước mắt, triển khai các giải pháp tích cực nâng cao áp lực cuối nguồn nhằm tăng sản lượng và mở rộng các hình thức cấp nước đối với khách hàng trên địa bàn Long An.

2) Cam kết về môi trường và cộng đồng:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh nước sạch, Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè thực hiện đúng quy định pháp luật với các cam kết sau:

- Thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành về chế độ tài chính - kế toán doanh nghiệp, về hoạt động kinh doanh nước sạch, về công tác quản lý lao động - tiền lương và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Thực hiện nghiêm chế độ bảo vệ hệ thống công DUtrình ngầm đô thị trong thi công hệ thống cấp nước trên địa bàn phục vụ.

- Duy trì hoạt động cấp nước hướng đến khách hàng, xem nước sạch là nhu cầu thiết yếu cho đời sống cộng đồng, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước sạch cho tất cả dân cư và các tổ chức trên địa bàn phục vụ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV. HĐQT
- Kiểm soát viên
- Ban Giám đốc Cty;
- Lưu (CV. HĐQT)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn An

PHỤ ĐÍNH: Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019

(Kèm theo Báo cáo số /BC-CNNB-HĐQT ngày 17/4/2020)

TT	Mục	Số hiệu và nội dung
1	NQ	Số 20/NQ-CPCNNB-HĐQT ngày 22/02/2019
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none">- Kết quả sản xuất kinh doanh Quý 4/2018 và ước năm 2018- Báo cáo tài chính Quý IV/2018.- Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư - xây dựng cơ bản năm 2019.- Quỹ lương thực hiện năm 2018.- Quỹ lương kế hoạch năm 2019.- Báo cáo tình hình sử dụng lao động năm 2018 và kế hoạch lao động năm 2019- Báo cáo về kết quả khảo sát, nghiên cứu phát triển mở rộng

		mạng lưới cấp nước trên địa bàn Tỉnh Long An.
2	NQ	<i>Số 21/NQ-CPCNNB-HĐQT ngày 22/03/2019</i>
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2019. - Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán. - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019. - Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019. - Xem xét Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018. - Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019. - Danh sách các Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính trong năm 2019. - Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2019 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV. - Thông qua Kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông 2019.
3	NQ	<i>Số 22/NQ-CPCNNB-HĐQT ngày 10/04/2019 (Ý kiến văn bản)</i>
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2019. - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018
4	NQ	<i>Số 23/NQ-CPCNNB-HĐQT ngày 24/04/2019</i>
	Nội dung	Bầu ông Nguyễn An là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
5	NQ	<i>Số 24/NQ-CPCNNB-HĐQT ngày 23/05/2019</i>
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả sản xuất kinh doanh Quý I/2019. - Bổ sung danh mục mua sắm và đầu tư xây dựng cơ bản vào kế hoạch năm 2019. - Lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính 2019
6	NQ	<i>Số 25/NQ-CNNB-HĐQT ngày 09/08/2019</i>
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính 6 tháng đầu năm 2019 - Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
7	NQ	<i>Số 26/NQ-CNNB-HĐQT ngày 30/10/2019</i>
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính Quý III/2019. - Bổ sung danh mục đầu tư và mua sắm và kế hoạch năm 2019 gồm: (i) Mua bản quyền phần mềm ArcGIS giai đoạn 2019 - 2022, (ii) Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại văn phòng làm việc Công ty. - Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020





**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **0940**/BC-CNNB-BKS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2020

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty (Điều lệ), Quy chế quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

Ban Kiểm soát (BKS) xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè (Công ty) năm 2019 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát năm 2019 nhiệm kỳ III (2017-2022) gồm 05 thành viên:

- | | |
|----------------------------|-------------------------------------|
| 1. Bà Võ Thị Cẩm Tú | - Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách |
| 2. Bà Phạm Thị Phương Linh | - Kiểm soát viên |
| 3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh | - Kiểm soát viên |
| 4. Ông Nguyễn Công Thành | - Kiểm soát viên |
| 5. Ông Nguyễn Hoàng Lam | - Kiểm soát viên |

Trong đó, Trưởng BKS chuyên trách làm việc toàn thời gian tại Công ty theo quy định, 04 Kiểm soát viên (KSV) còn lại hoạt động kiêm nhiệm, không làm việc tại Công ty. Các KSV đều hoạt động độc lập, không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

1.1 Tổng kết các cuộc họp của BKS:

Trong năm 2019, BKS Công ty đã tổ chức 06 phiên họp, thống nhất thông qua các nội dung chính như sau:

- Kiểm tra, thẩm định và góp ý các tài liệu, nội dung phiên họp của Hội đồng quản trị (HĐQT);
- Triển khai phân công nhiệm vụ năm 2019 cho từng thành viên BKS, đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2019, thống nhất kế hoạch triển khai công tác kiểm soát năm 2019;

- Thẩm định, góp ý Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh (SXKD) và phương hướng nhiệm vụ quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2019;
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm 2019 được soát xét, kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Bên cạnh đó, BKS thường xuyên đánh giá thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, các nội dung khác có liên quan; kết quả hoạt động của BKS giữa các kỳ họp và thông qua trọng tâm của giai đoạn tiếp theo.

1.2 Các hoạt động của BKS:

Thực hiện theo kế hoạch hoạt động của BKS năm 2019 đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua:

- BKS tham dự đầy đủ, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT. Trưởng BKS tham gia các cuộc họp quan trọng của Công ty để nắm bắt tình hình và làm cơ sở trong giám sát việc quản trị, điều hành Công ty;
- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị của HĐQT, BGD và các cán bộ quản lý khác;
- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BGD;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT về các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính năm 2019;
- Thẩm định BCTC quý, bán niên và năm 2019; Kiểm tra tính hợp pháp và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; Tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính;
- Làm việc với Kiểm toán độc lập và các cơ quan ban ngành khác để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán, kiểm toán trọng yếu đến BCTC; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra và ý kiến phản hồi của BGD để kịp thời nắm bắt tình hình biến động tài chính (nếu có) của Công ty;
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật;
- Tham gia góp ý về các nội dung sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;
- Thực hiện các công việc khác thuộc thẩm quyền BKS quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của BKS, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Tiền lương, thù lao của BKS và KSV năm 2019:

- Thù lao: KSV không chuyên trách là 3.100.000 đồng/người/tháng.
- Tiền lương và các quyền lợi khác: Trưởng BKS chuyên trách áp dụng theo chế độ, thang bảng lương và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

⇒ Thực hiện theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty đã chi và hạch toán trong BCTC năm 2019 theo quy định hiện hành.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2019

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019 và các Nghị quyết của HĐQT; qua công tác kiểm tra BKS nhận thấy:

Ban Giám đốc cùng với CBCNV Công ty đã nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD, thường xuyên phát động các phong trào thi đua nhằm tạo động lực, góp phần hoàn thành kế hoạch. Năm 2019, kết quả thực hiện hầu hết các chỉ tiêu quan trọng như: sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu tiền nước, tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, tỷ

lệ thất thoát nước, lợi nhuận trước thuế,... đều đạt và vượt kế hoạch, tăng so với năm 2018.

Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019 thể hiện ở bảng dưới đây:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	TH2019/TH2018 (%)	TH2019/KH2019 (%)
A. SẢN XUẤT KINH DOANH							
1	Sản lượng nước tiêu thụ	1.000 m ³	71.400	69.013	70.919	+2,76	-0,67
2	Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	649.740	627.632	655.135	+4,38	+0,83
3	Tỉ lệ thực thu tiền nước	%	100	99,85	99,05	-0,80	-0,95
4	Thay ĐHN cỡ nhỏ	Cái	20.000	18.106	20.095	+10,99	+0,48
5	Thay ĐHN cỡ lớn	Cái	80	65	86	+32,31	+7,50
6	Gắn mới ĐHN	Cái	4.000	5.971	4.339	-27,33	+8,48
7	Tỷ lệ thất thoát nước	%	16,80	17,35	13,08	-4,27	-3,72
8	Tỉ lệ hộ dân sử dụng nước sạch	%	100	100	100	100	100
B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG							
1	Phát triển mạng lưới cấp 3	Mét	6.436	9.933	5.972	-39,88	-7,21
2	Sửa chữa ống mục	Mét	3.973	2.852	4.372	53,30	+10,04
3	Hầm đồng hồ tổng	Hầm	7	19	8	-57,89	+14,29
C. TÀI CHÍNH							
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	661.240	643.191	666.949	+3,69	+0,86
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	646.250	628.586	648.976	+3,24	+0,42
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.990	14.605	17.973	+23,06	+19,90
4	Tỉ lệ chia cổ tức (dự kiến)	%	8	8	9	+12,50	+12,50

♦ Nhận xét và đánh giá các chỉ tiêu SXKD năm 2019:

- Sản lượng nước cung cấp đạt 70.919 triệu m³, tăng 1.906 triệu m³ so với năm 2018 (69.013 triệu m³); tuy sản lượng nước thực hiện thấp hơn so với kế hoạch năm 2019 (-0,67%) do áp lực tại một số khu vực cuối nguồn Nhà Bè còn hạn chế và khách hàng gắn mới ĐHN thường được thành lập nhiều hơn trong khoảng Quý IV/2019.
- Doanh thu tiền nước tăng 27.503 triệu đồng (+4,38%)/TH 2018 và tăng 5.395 triệu đồng (+0,83%)/KH 2019. Công ty đã triển khai tốt công tác tính đúng giá nước theo đối tượng, kiểm soát tốt định mức khách hàng, nhờ vậy giá bán bình quân 2019 tăng 291,51 đ/m³ – đạt 9.385,85 đ/m³ góp phần tăng doanh thu tiền nước.
- Việc phát hành hóa đơn tiền nước đến khách hàng qua phương thức hóa đơn điện tử, Công ty triển khai lộ trình tăng kênh thu hộ và giảm dần khoản thu tiền mặt; Do đó

- tỷ lệ thực thu tiền nước đạt được là 99,05%; số lượng hóa đơn tồn cuối năm 2019 là 6.165 triệu đồng chiếm 0,95%. Nhờ vậy, góp phần tăng vòng quay vốn trong SXKD.
- Về công tác gắn mới ĐHN là 4.339 cái (+8,48%)/KH 2019, Công ty đã góp phần cung cấp nước sạch ổn định theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố.
 - + Số lượng ĐHN gắn mới: Quận 4: 126 cái; Quận 7: 1.630 cái; Huyện Nhà Bè: 2.583 cái.
 - Thay ĐHN cỡ nhỏ là 20.095 cái (+0,48%)/KH 2019 và (+10,99%)/TH 2018.
 - Thay ĐHN cỡ lớn là 86 cái (+7,50%)/KH 2019 và (+32,31%)/TH 2018.
 - Điểm nổi bật năm 2019, Công ty đã làm tốt công tác quản lý mạng lưới cấp nước trên 850 km đường ống; do đó tỷ lệ thất thoát nước đạt 13,08% giảm (-3,72%)/KH 2019 và thấp hơn 4,27%/TH 2018; góp phần giảm 1,9 triệu m³ nước sạch mua vào; vì vậy trực tiếp giảm đáng kể giá vốn hàng bán và tăng được lợi nhuận kinh doanh.
 - Đã triển khai các danh mục công trình XDCB được HĐQT phê duyệt; hoàn thành được 05 công trình PTML với giá trị khối lượng là 5.972 mét, đạt 96,91% so với Báo cáo kinh tế kỹ thuật (BCKTKT) được duyệt; 04 công trình sửa chữa ống mục với giá trị khối lượng là 4.372 mét, đạt 97,29%/BCKTKT được duyệt; hoàn thành 8 công trình xây hầm ĐHT, tăng 02 cái so với BCKTKT được duyệt, đạt 133,34%. Tuy công tác XDCB hoàn thành kế hoạch nhưng kết quả thực hiện thường vào cuối năm dẫn đến việc công trình chậm khai thác sử dụng trong năm. Do đó cũng ảnh hưởng đến sản lượng nước cung cấp.
 - Tổng Doanh thu và thu nhập khác đạt 666.949 triệu đồng tăng 23.758 triệu đồng (+3,69%)/TH 2018. Trong đó:
 - + Doanh thu tiền nước tăng 27.503 triệu đồng (+4,38%)/TH 2018 (doanh thu cấp nước Long An tăng 3.361 triệu đồng (+86,36%)/TH 2018); doanh thu nước đóng chai Sawanew tăng 212 triệu đồng (+4,00%)/TH 2018 trong điều kiện chính sách hạn chế sử dụng vật phẩm nhựa.
 - + Doanh thu khác giảm 3.957 triệu đồng (-38,57%)/TH 2018.
 - Tổng Chi phí đạt 648.976 triệu đồng tăng 2.726 triệu đồng (+0,42%)/KH 2019 và tăng 20.390 triệu đồng (+3,24%)/TH 2018. Cụ thể so với cùng kỳ năm trước như sau:
 - + Giá vốn hàng bán giảm 9.326 triệu đồng (-2,06%)/TH 2018: trong đó giá vốn nước mua sỉ giảm 6.519 triệu đồng, do sản lượng nước mua sỉ giảm 1.922.847 m³ tương đương giảm 9.372 triệu đồng, sản lượng Long An tăng 478.963 m³ tương đương tăng 2.853 triệu đồng; giá vốn khác giảm 2.807 triệu đồng (chủ yếu giảm chi phí gắn mới, bồi thường).
 - + Chi phí bán hàng tăng 17.062 triệu đồng (+14,72%), chủ yếu: chi phí khấu hao tài sản, chi phí chống thất thoát nước, chi phí thay đồng hồ, gắn ĐHN miễn phí và chi phí trích BHXH.
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 12.450 triệu đồng (+20,85%), chủ yếu: chi phí tiền thuê đất tăng (do đơn giá thuê đất điều chỉnh tăng từ năm 2014 đến năm 2018), chi phí trích BHXH, chi phí trích trước Bảo hiểm nhân thọ, chi phí mang tính chất phúc lợi tăng.
 - + Chi phí khác tăng 204 triệu đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 17.973 triệu đồng (+19,90%)/KH 2019 và tăng 3.368 triệu đồng (+23,06%)/TH 2018. Nhờ vậy, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019 tăng từ 8% (theo KH) lên 9% tăng (+12,50%)/KH 2019.

2. Thẩm định tình hình tài chính:

BKS thẩm định Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty và nhận thấy:

- BCTC được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách hệ thống, nhất quán, thực hiện đánh giá và ước tính một cách hợp lý, tuân thủ các quy định pháp luật, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Báo cáo tài chính được lập đúng quy định về biểu mẫu và thời gian.
- BCTC kiểm toán năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè tại thời điểm 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.
- Hồ sơ sổ sách, chứng từ kế toán được lập và lưu trữ đầy đủ, sắp xếp khoa học, đáp ứng yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm toán.

* Một số chỉ tiêu phân tích tài chính (thời điểm 31/12/2019) như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	24,89	26,17
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	75,11	73,83
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	34,06	33,16
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	65,94	66,84
5	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,74	0,80
6	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,60	0,62
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (ROS)	%	1,80	2,04
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	4,67	5,53
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,08	8,27

→ **Đánh giá chung:** Các chỉ tiêu cơ cấu tài sản, cơ cấu vốn của Công ty không thay đổi nhiều so với năm 2018. Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh của Công ty năm 2019 tương đối ổn định với thực hiện năm 2018. Xét về chỉ tiêu tỷ suất sinh lời tính trên doanh thu, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu thì kết quả năm 2019 tăng hơn so với thực hiện năm 2018, chi tiết như sau:

- + Hệ số Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản là 26,17% (vốn lưu động ngắn hạn của Công ty đảm bảo chiếm tỷ lệ thấp so với tổng tài sản hiện có tại đơn vị).
- + Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn là 33,16% (các khoản nợ phải trả của Công ty có mức độ an toàn cao, rủi ro tài chính thấp).
- + Khả năng thanh toán hiện hành: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn đạt 0,80 lần (tình hình tài chính của Công ty đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn với chỉ số < 1).
- + Khả năng thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn đạt 0,62 lần (vốn lưu động của Công ty đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn với chỉ số < 1).
- + Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu đạt 2,04% (tăng (+0,24%)/TH 2018).
- + Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản đạt 5,53% (tăng (+0,86%)/TH 2018).
- + Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu đạt 8,27% (tăng (+1,19%)/TH 2018).

▲ **Quỹ khen thưởng và các khoản chi mang tính chất phúc lợi:**

- Quỹ khen thưởng thực chi năm 2019: 3.068.552.800 đồng
- Trong đó: + Quỹ khen thưởng là: 3.000.000.000 đồng
- + Quỹ chống thất thoát nước: 68.552.800 đồng
- Các khoản chi mang tính chất phúc lợi: 6.488.107.800 đồng

(Việc chi khen thưởng và các khoản chi mang tính phúc lợi được Công ty thực hiện đúng quy định)

→ **Nhận xét:** Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019; Công ty chưa hạch toán phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2019.

▲ **Tình hình nhân sự và tiền lương:** (thời điểm 31/12/2019)

- Tổng Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019: 81.319.002.330 đồng
- Số lao động bình quân năm 2019: 390 người

→ **Nhận xét:** Công ty thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019; Số lao động năm 2019 là 390 người giảm (-2,50%)/KH 2019; Tổng quỹ tiền lương thực hiện giảm (-1,05%)/KH 2019; Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định.

▲ **Đầu tư Xây dựng cơ bản:** (thời điểm 31/12/2019)

Số dư nợ tài khoản 241 – Xây dựng cơ bản dở dang là: 1.681.062.622 đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhóm công trình	Số dư 31/12/2018	Số dư 31/12/2019
1	Phát triển mạng lưới cấp nước	3.245.878.230	728.871.818
2	Di dời hệ thống cấp nước	5.586.197.131	195.132.923
3	Xây dựng hầm đồng hồ tổng	200.516.825	
4	Công tác giảm nước không doanh thu		
5	Thay đay xám và ống nhánh		193.140.456
6	Chi phí sửa chữa ống mục	1.933.525.829	48.809.756
7	Khác	613.977.930	515.107.669
	Tổng cộng	11.580.095.945	1.681.062.622

Trong năm 2019, Công ty đã nỗ lực thanh quyết toán các hồ sơ dự án XD/CB tồn đọng của các năm cũ, hoàn thành tăng TSCĐ số tiền là 40.800.233.595 đồng, cụ thể:

- + Công trình Phát triển mạng lưới cấp nước: 13.640.564.158 đồng
- + Sửa chữa, cải tạo ống mục cấp nước: 15.897.900.557 đồng
- + Di dời hệ thống cấp nước: 5.404.386.964 đồng
- + Xây dựng hầm ĐHT DMA: 3.806.381.916 đồng
- + Công tác giảm nước không doanh thu: 2.051.000.000 đồng

3. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2019

Căn cứ kết quả SXKD năm 2019, HĐQT trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

- + Chi trả cổ tức (9% /vốn điều lệ) : 9.810.000.000 đồng (KH là 8%)
- + Quỹ đầu tư phát triển : 508.381.225 đồng (Thuế TNDN ưu đãi)
- + Quỹ khen thưởng ban điều hành : 372.887.500 đồng
- + Quỹ khen thưởng+quỹ CTTN : 3.698.319.393 đồng
- + Lợi nhuận để lại năm sau : 204.507.720 đồng

4. Tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019

- *Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2019*: Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu quan trọng như: doanh thu nước sạch đạt 655.135 triệu đồng tăng (+0,83%)/KH 2019, tỷ lệ thất thoát nước đạt 13,08% giảm (-3,72%)/KH 2019, lợi nhuận trước thuế đạt 17.973 triệu đồng tăng (+19,90%)/KH 2019, cổ tức dự kiến tăng (+12,50%)/KH 2019.
- *Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ*: Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức năm tài chính 2018 với tỷ lệ 8% (800 đồng/cổ phần)/Vốn điều lệ 109 tỷ đồng với tổng số tiền là 8.720 triệu đồng. Thực hiện theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2019 của ĐHĐCĐ thường niên 2019.
- *Thù lao HĐQT & BKS năm 2019*: Thực hiện theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2019 của ĐHĐCĐ thường niên 2019.
- *Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2019*: Công ty đã thực hiện theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ, đơn giá mua bán sỉ nước sạch bằng đơn giá năm 2018. Đến tháng 12/2019 giá nước sạch được điều chỉnh theo Quyết Định số 25/2019-QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND TP.HCM và Quyết Định số 728/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 05/11/2019 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (SAWACO) về việc ban hành giá nước sạch cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, đoàn thể, đơn vị sản xuất, đơn vị kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn TP.HCM lộ trình 2019 - 2022. Theo đó, SAWACO đề nghị giá bán sỉ mới đối với lượng nước Công ty mua sỉ trong tháng 12/2019 là 5.427,84 đồng (tăng 307,24 đồng/đơn giá cũ là 5.120,60 đồng).
- *Xem xét và lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019*: HĐQT đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 (theo danh sách ba (03) Công ty kiểm toán được ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua).

5. Giám sát công tác quản trị, điều hành

Nhìn chung, HĐQT và BGD đã chỉ đạo, triển khai các hoạt động kinh doanh của Công ty với tinh thần trách nhiệm, kinh nghiệm trong công tác quản lý, tâm huyết đối với các hoạt động tại đơn vị. Thực hiện đúng thẩm quyền, tuân thủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019 và HĐQT, cụ thể:

♦ *Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT*

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 6 phiên họp, 01 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, ban hành 07 nghị quyết để chỉ đạo và giao cho BGD thực hiện. Cụ thể:

+ HĐQT đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019 đạt kết quả tốt đẹp.

+ Đánh giá kế hoạch và báo cáo kết quả tình hình SXKD của từng quý, bán niên và năm 2019; định hướng nhiệm vụ cho quý tiếp theo thông qua các chủ trương về đầu tư XDCB, mua sắm vật tư, trang thiết bị và phân bổ nguồn lực tài chính; kịp thời chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện tốt nhiệm vụ được nêu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019.

+ Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với tình hình thực tiễn, chiến lược, kế hoạch phát triển, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị Công ty.

+ Trong các phiên họp, thành viên HĐQT tham gia (trực tiếp hoặc thông qua người ủy quyền) khá đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy được kinh nghiệm và năng lực lãnh đạo của từng thành viên HĐQT.

→ Nhận xét: Các Nghị quyết và Biên bản họp của HĐQT, BKS nhận thấy các quyết định của HĐQT đều hướng tới lợi ích chung của Công ty, đảm bảo vai trò định hướng phát triển Công ty theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ. BKS chưa phát hiện trường hợp thành viên HĐQT nào vi phạm các quy định về trung thực và xung đột về quyền lợi.

♦ **Kết quả giám sát hoạt động của Ban Giám đốc**

- *Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD*: Thực hiện các Nghị quyết HĐQT, Quyết định số 18/NQ-CPCNNB-HĐQT về việc giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính năm 2019. Luôn chủ động tìm kiếm nhiều biện pháp để hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu quan trọng như: duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch; doanh thu tiền nước tăng (+0,83%)/KH 2019; lợi nhuận trước thuế tăng (+19,90%)/KH 2019; tỷ lệ thất thoát nước đạt 13,08% giảm (-3,72%)/KH 2019; tỷ lệ trả cổ tức năm 2019 tăng (+12,50%)/KH 2019.

- *Về công tác tài chính kế toán*: Lập BCTC quý, bán niên, năm đúng thời hạn, đúng quy định về chế độ tài chính - kế toán (theo Luật Kế toán và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính) và các quy định pháp luật của Việt Nam. Quản lý sử dụng vốn hiệu quả trong kinh doanh, bảo toàn đồng vốn, tài chính doanh nghiệp lành mạnh, an toàn và đúng quy định pháp luật. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; công bố thông tin kịp thời, chính xác và đầy đủ về tình hình tài chính, hoạt động, cơ cấu sở hữu vốn vào việc quản trị Công ty.

- *Về công tác tổ chức nhân sự*: BGD đã tiến hành sắp xếp, tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng nhân sự cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Quan tâm đến đời sống, vật chất, tinh thần cho CBCNV, các chế độ chính sách cho người lao động, tạo sự phấn khởi, đồng thuận nhất trí cao trong Công ty; Phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức của Công ty.

- *Công tác phối hợp điều hành giữa HĐQT và Ban Giám đốc*: BGD đã chủ động hơn trong việc báo cáo, đề xuất và xin ý kiến HĐQT khi xử lý các vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch trong điều hành SXKD theo quy định. Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty. Hoàn thành nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty. Mối quan hệ công tác phối hợp giữa HĐQT và BGD khá tốt, hầu hết các quyết định của HĐQT thông qua đều đạt được sự đồng thuận cao giữa các thành viên. Do đó, đã định hướng đúng cho mọi hoạt động phát triển của Công ty, phấn đấu tăng trưởng sản lượng nước cung cấp trên toàn địa bàn, thực hiện kinh doanh có lãi và đảm bảo cổ tức cho cổ đông.

→ Nhận xét: BGD đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính năm 2019, đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả và an toàn trong kinh doanh, tài chính doanh nghiệp lành mạnh. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và các Nghị quyết của HĐQT Công ty.

6. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BGD và các cổ đông

- BKS chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BGD trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Công ty, thực hiện đầy đủ, cẩn trọng các quyền và nghĩa vụ của mình vì lợi ích hợp pháp tối đa của cổ đông và Công ty.
- BKS tham dự đầy đủ tại các cuộc họp của HĐQT, thường xuyên đóng góp ý kiến, tư vấn chuyên môn, những góp ý của BKS đều được HĐQT ghi nhận và cân nhắc trước khi quyết định các vấn đề.
- BKS được cung cấp đầy đủ Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty.
- BKS được cung cấp các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ quý, bán niên và năm.
- BKS không nhận được yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

7. Kết luận, kiến nghị

- BKS thống nhất với Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019.
- BKS nhất trí với Kế hoạch và giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty năm 2019. Bên cạnh đó, đề nghị:
 - ⇒ Tăng cường công tác điều tiết và tiếp nhận nguồn nước an toàn, cung cấp nước sạch cho khách hàng liên tục, ổn định, phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm và đặc biệt đẩy mạnh công tác chống thất thoát nước, nhằm giảm bền vững tỷ lệ nước thất thoát thất thu;
 - ⇒ Chú trọng công tác thanh quyết toán các công trình XD/CB để kịp thời ghi tăng tài sản cố định, trích khấu hao, ghi nhận doanh thu tương ứng với chi phí theo quy định; thực hiện đúng quy định pháp luật trong công tác đấu thầu; nâng tỷ lệ hồ sơ đấu thầu của mạng; nâng cao chất lượng công trình;
 - ⇒ Nâng cao công tác quản lý dòng tiền hiệu quả, đẩy mạnh công tác thu tiền, tích cực thu hồi, giải quyết tất toán công nợ kịp thời.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2020

Năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp tác động không nhỏ đến hoạt động SXKD của Công ty. Công tác thu tiền, đọc chỉ số nước gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là ảnh hưởng đến sản lượng nước cung cấp tại đơn vị.

Căn cứ quyền và nghĩa vụ của BKS được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS. Ban Kiểm soát dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2020 như sau:

- BKS tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT, Trưởng BKS tham dự các cuộc họp quan trọng của Công ty để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động SXKD nhằm thực hiện tốt việc giám sát công tác quản trị và điều hành;
- Thường xuyên giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty của HĐQT, BGD và các phòng ban chức năng trong Công ty;
- Tổ chức kiểm tra định kỳ, thẩm định các báo cáo hoạt động tình hình SXKD, báo cáo tài chính quý, bán niên, năm 2020;
- Kiểm tra, giám sát việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, BGD trong quá trình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ;
- Làm việc với kiểm toán độc lập và các cơ quan ban ngành khác để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán, kiểm toán trọng yếu đến BCTC;

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua các quyết định của HĐQT và BGD;
- Tư vấn cho HĐQT, BGD các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của Công ty;
- Nghiên cứu các Thông tư, Nghị định, chính sách ban hành nhằm kiến nghị bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, nâng cao hệ thống kiểm soát, giảm thiểu rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động SXKD của Công ty;
- Thực hiện chương trình kiểm tra đối với một số lĩnh vực cụ thể và các yêu cầu đột xuất khác của HĐQT và cổ đông;
- Thực hiện các công việc khác thuộc quyền và nghĩa vụ của BKS theo quy định.

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè, kính trình ĐHCĐ xem xét, thông qua.

Thay mặt cho BKS tôi xin trân trọng cảm ơn đến các Quý vị cổ đông, Quý vị đại biểu đã tin tưởng ủng hộ Công ty trong thời gian qua. Xin cảm ơn HĐQT và Ban Giám đốc đã hỗ trợ cho BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình. Hy vọng với sự đoàn kết, nhất trí, nỗ lực phấn đấu của HĐQT, BKS, BGD và toàn thể CBCNV, Công ty sẽ hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao và ngày càng phát triển bền vững.

Kính chúc Quý vị cổ đông, Quý vị đại biểu luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt; Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Võ Thị Cẩm Tú



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0942/TTr-CNNB-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Kết quả báo cáo tài chính năm 2019, Công ty đạt mức lợi nhuận trước thuế là 17.973 triệu đồng, đạt 119,90% KH. Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019, với mức cổ tức 9%, như sau:

Khoản mục	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
A) Lợi nhuận năm trước còn lại	1.024.251.094	
B) Lợi nhuận sau thuế năm 2019	13.569.844.744	
C) Lợi nhuận phân phối năm nay (A+B):	14.594.095.838	100,00
1. Cổ tức (9%)	9.810.000.000	67,22
2. Quỹ đầu tư phát triển	508.381.225	3,48
3. Quỹ khen thưởng Ban điều hành	372.887.500	2,56
4. Quỹ khen thưởng người lao động	3.698.319.393	25,34
Trong đó: Quỹ thưởng giảm thất thoát nước	398.319.393	
5. Lợi nhuận để lại	204.507.720	1,40

Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền hưởng cổ tức là: 30/5/2020.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HS HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn An



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0943/TTr-CNNB-HĐQT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về chế độ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị
và Ban Kiểm soát năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Xét kế hoạch tài chính năm 2020 của Công ty,

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chế độ tiền lương và mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và kiểm soát viên Công ty năm 2020 như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách được hưởng lương và các lợi ích khác theo Hệ thống thang - bảng lương và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
2. Thù lao của các thành viên không chuyên trách:

a) Thành viên HĐQT : 6.000.000 đồng/người/tháng

b) Kiểm soát viên : 3.100.000 đồng/người/tháng

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HS HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn An



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0944/TTr-CNNB-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền thương thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2020

Căn cứ Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 14 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè, về quyền của Đại hội đồng cổ đông trong việc “*quyết định các giao dịch mà công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo tài chính gần nhất được kiểm toán*”.

Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè mua bán sỉ nước sạch từ một nguồn duy nhất là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, với giá trị hợp đồng năm 2019 gần 436,5 tỷ đồng, bình quân 36,375 tỷ đồng/tháng. Năm 2020, giá nước sạch cho khách hàng được điều chỉnh theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ chí Minh về ban hành giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn TP. Hồ chí Minh và Quyết định số 728/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 05/11/2019 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về ban hành giá nước sạch cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, đoàn thể, đơn vị sản xuất, đơn vị kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn TP. Hồ chí Minh lộ trình 2019 – 2022. Theo đó, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV sẽ phát hành giá bán sỉ mới đối với lượng nước Công ty mua sỉ năm 2020, nên giá trị hợp đồng mua sỉ nước sạch của Công ty sẽ lớn hơn năm 2019.

Để việc quản lý và điều hành tại Công ty được thuận lợi và phương thức thực hiện như những năm qua, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2020 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HS HĐQT.

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



(Signature)
Nguyễn An



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0945/TTCNNB-BKS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc xem xét và lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2020

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế Quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;
- Xem xét các tiêu chí phổ biến để lựa chọn đơn vị kiểm độc lập; gồm ⁽ⁱ⁾ là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, đủ điều kiện thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định; ⁽ⁱⁱ⁾ đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp, trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, đủ tiêu chuẩn, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính; ⁽ⁱⁱⁱ⁾ mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của Công ty.

Ban Kiểm soát đề nghị Danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập có thể lựa chọn thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo tài chính Công ty cho năm 2020 là:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Số 02 Trường Sơn, Phường 2 Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY - Tầng 9 tòa nhà HL, 82 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
3. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) - Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty, căn cứ vào các tiêu chí nêu trên và quy định pháp luật có liên quan để lựa chọn một (01) trong ba (03) đơn vị kiểm toán trong danh sách đơn vị kiểm toán được Ban Kiểm soát đề xuất để thực hiện kiểm toán, soát xét các Báo cáo tài chính và các mục đích kiểm toán khác (nếu có) cho năm tài chính 2020 của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HS BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Võ Thị Cẩm Tú

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè

1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè được doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Chi nhánh Cấp nước Nhà Bè theo Quyết định số 6659/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4116000540 cấp lần đầu ngày 21 tháng 10 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 05 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/04/2019
Ông Nguyễn Doãn Xá	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24/04/2019
Ông Lý Thành Tài	Thành viên	
Ông Bùi Thanh Giang	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Lý Bửu Nghĩa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2019
Bà Nguyễn Hương Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2019

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lý Thành Tài	Giám đốc
Ông Dương Văn Hòa	Phó Giám đốc
Ông Phạm Chí Thiện	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Võ Thị Cẩm Tú	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/04/2019
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24/04/2019
Ông Nguyễn Công Thành	Thành viên	
Bà Phạm Thị Phương Linh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Lam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lý Thành Tài

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thái

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1623-2018-002-1


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		64.280.958.837	61.451.507.002
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	23.972.454.503	19.699.426.552
111	1. Tiền		19.972.454.503	19.699.426.552
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	10.000.000.000	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.000.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.786.580.673	18.974.888.057
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	14.668.672.641	19.432.979.710
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	1.210.682.180	1.061.166.688
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	1.503.429.096	934.721.941
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.596.203.244)	(2.453.980.282)
140	IV. Hàng tồn kho	09	14.072.049.858	11.655.988.852
141	1. Hàng tồn kho		14.072.049.858	11.655.988.852
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.449.873.803	1.121.203.541
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.014.029.062	1.121.203.541
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		435.844.741	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		181.361.892.707	185.411.558.558
220	II. Tài sản cố định		162.467.581.390	149.502.211.042
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	160.927.169.933	146.960.625.731
222	- Nguyên giá		399.513.065.453	367.793.588.265
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(238.585.895.520)	(220.832.962.534)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.540.411.457	2.541.585.311
228	- Nguyên giá		8.175.876.580	8.175.876.580
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.635.465.123)	(5.634.291.269)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	1.681.062.622	11.580.095.945
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.681.062.622	11.580.095.945
260	VI. Tài sản dài hạn khác		17.213.248.695	24.329.251.571
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	15.670.071.051	23.986.180.121
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.a	1.543.177.644	343.071.450
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		245.642.851.544	246.863.065.560


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		81.445.859.107	84.086.052.567
310	I. Nợ ngắn hạn		80.803.242.907	83.153.636.939
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	56.453.775.655	60.378.201.906
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.348.975.465	1.397.159.947
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	10.848.655.010	7.626.065.175
314	4. Phải trả người lao động		7.442.792.219	11.388.378.795
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.346.664.894	82.506.690
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.362.379.664	2.228.447.641
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	52.876.785
330	II. Nợ dài hạn		642.616.200	932.415.628
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	642.616.200	932.415.628
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		164.196.992.437	162.777.012.993
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	164.196.992.437	162.777.012.993
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		109.000.000.000	109.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		109.000.000.000	109.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		431.588.293	431.588.293
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		40.171.308.306	39.812.913.043
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.594.095.838	13.532.511.657
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.024.251.094	2.009.383.604
421b	LNST chưa phân phối năm nay		13.569.844.744	11.523.128.053
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		245.642.851.544	246.863.065.560


Võ Thị Kim Loan
Người lập


Vũ Thị Thùy Nga
Kế toán trưởng


Lý Thành Tài
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	665.003.499.231	641.789.512.161
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		665.003.499.231	641.789.512.161
11	4. Giá vốn hàng bán	24	443.111.068.397	452.437.209.270
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		221.892.430.834	189.352.302.891
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	865.175.962	825.284.071
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	26	132.935.718.426	115.873.335.459
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	72.164.174.289	59.713.886.640
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.657.714.081	14.590.364.863
31	11. Thu nhập khác	28	1.079.932.505	575.904.743
32	12. Chi phí khác	29	764.705.257	561.388.994
40	13. Lợi nhuận khác		315.227.248	14.515.749
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.972.941.329	14.604.880.612
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	5.603.202.779	3.421.758.351
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31.b	(1.200.106.194)	(340.005.792)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>13.569.844.744</u>	<u>11.523.128.053</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.245	1.057



Võ Thị Kim Loan
Người lập



Vũ Thị Thùy Nga
Kế toán trưởng



Lý Thanh Tài
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.972.941.329	14.604.880.612
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		31.720.294.809	28.613.971.649
03	- Các khoản dự phòng		142.222.962	629.899.862
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(867.903.235)	(828.657.889)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		48.967.555.865	43.020.094.234
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.039.263.021	(8.209.952.938)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.416.061.006)	3.498.618.654
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.044.668.414)	(13.428.764.129)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		8.423.283.549	(3.215.843.763)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.958.720.706)	(1.891.948.316)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.491.131.893)	(3.432.914.074)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		46.519.520.416	16.339.289.668
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(34.786.631.834)	(24.358.623.256)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.727.273	61.555.636
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(10.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	10.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.244.436.236	809.282.930
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(33.539.468.325)	(23.487.784.690)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.707.024.140)	(8.760.853.640)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.707.024.140)	(8.760.853.640)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.273.027.951	(15.909.348.662)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.699.426.552	35.608.775.214
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>23.972.454.503</u>	<u>19.699.426.552</u>

Võ Thị Kim Loan
Người lập

Vũ Thị Thùy Nga
Kế toán trưởng



Lý Thành Tài
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè được doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Chi nhánh Cấp nước Nhà Bè theo Quyết định số 6659/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4116000540 cấp lần đầu ngày 21 tháng 10 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 05 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 109.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 109.000.000.000 đồng; tương đương 10.900.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp, kinh doanh bất động sản, sản xuất nước tinh khiết.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất;
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ giám sát, khảo sát công trình);
- Xây dựng công trình cấp thoát nước. Lập dự án, thẩm tra thiết kế. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;
- Bán buôn, bán lẻ nước tinh khiết, vật tư, thiết bị ngành nước, thiết bị lọc nước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm, dịch vụ chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán Báo cáo tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động là doanh thu cho thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế

Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với thu nhập thuộc lĩnh vực hoạt động khai thác trên hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp: Từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi đầu tư 10% trong thời hạn 13 năm còn lại từ năm 2009 đến năm 2021 và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 9 năm (từ năm 2009 đến năm 2017).

d) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Đối với thu nhập được ưu đãi thuế: Công ty áp dụng mức thuế suất 10%.

Đối với thu nhập thuộc lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác: Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2.17 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch và diễn ra chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	151.149.067	23.182.945
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.821.305.436	19.676.243.607
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	-
	<u>23.972.454.503</u>	<u>19.699.426.552</u>

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 4.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Hòa Bình với lãi suất 5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2019, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 10 tỷ VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Tân Bình với lãi suất 7,1%/năm.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Khách hàng sử dụng nước sạch	13.234.874.865	(2.401.704.264)	16.871.273.050	(2.259.481.302)
- Khách hàng sử dụng dịch vụ nước sạch (thay gắn đồng hồ nước, sửa chữa...)	886.836.141	-	1.636.419.223	-
- Khách hàng thuê văn phòng	62.373.641	-	174.760.818	-
- Khách hàng nước Sawanew	470.518.600	-	732.667.400	-
- Phải thu các khách hàng khác	14.069.394	-	17.859.219	-
	14.668.672.641	(2.401.704.264)	19.432.979.710	(2.259.481.302)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)</i>	196.960.592	-	222.542.674	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Trung tâm Công nghệ thông tin Địa lý	335.500.000	-	335.500.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Nhân Việt	-	-	276.133.148	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Huy Hiếu Khanh	200.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Á	228.750.000	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	446.432.180	(194.498.980)	449.533.540	(194.498.980)
	1.210.682.180	(194.498.980)	1.061.166.688	(194.498.980)

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	292.657.534	-	671.917.808	-
Tạm ứng	175.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	150.000.000	-	168.087.185	-
Các khoản phải thu Bảo hiểm xã hội	877.381.754	-	-	-
Phải thu khác	8.389.808	-	94.716.948	-
	1.503.429.096	-	934.721.941	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Doanh nghiệp	194.498.980	-	194.498.980	-
- Công ty TNHH Cơ khí Đức hợp kim Thịnh Hưng	101.442.000	-	101.442.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất Mạnh Đức	60.883.300	-	60.883.300	-
- Công ty Cổ phần Gia Phát Hải Phòng	32.173.680	-	32.173.680	-
Khách lẻ	2.524.188.045	122.483.781	2.576.474.580	316.993.278
- Năm 2010	45.114.315	-	45.114.315	-
- Năm 2011	66.350.025	-	66.751.125	-
- Năm 2012	134.600.445	-	136.447.185	-
- Năm 2013	219.919.980	-	219.919.980	-
- Năm 2014	714.693.315	-	714.803.775	-
- Năm 2015	611.619.120	-	612.174.780	-
- Năm 2016	323.611.575	-	368.192.160	110.457.648
- Năm 2017	408.279.270	122.483.781	413.071.260	206.535.630
	2.718.687.025	122.483.781	2.770.973.560	316.993.278

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.407.630.042	-	9.919.273.661	-
Công cụ, dụng cụ	48.010.692	-	199.638.256	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.579.349.199	-	1.480.835.595	-
Thành phẩm	37.059.925	-	56.241.340	-
	14.072.049.858	-	11.655.988.852	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Phát triển mạng lưới cấp nước	777.681.574	3.245.878.230
- Di dời hệ thống cấp nước, xử lý giao cắt	329.246.992	5.586.197.131
- Xây dựng hầm đồng hồ tổng	-	200.516.825
- Công tác giảm nước không doanh thu	380.993.600	475.993.600
- Thay đại xám và ống nhánh	193.140.456	137.984.330
- Chi phí sửa chữa ống mục	-	1.933.525.829
	1.681.062.622	11.580.095.945

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	27.521.530.209	27.785.140.545	307.865.845.379	4.357.448.132	263.624.000	367.793.588.265
- Mua trong năm	-	3.925.147.273	-	1.570.649.091	-	5.495.796.364
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	39.189.868.793	-	-	39.189.868.793
- Thanh lý, nhượng bán	-	(429.999.522)	(12.536.188.447)	-	-	(12.966.187.969)
Số dư cuối năm	27.521.530.209	31.280.288.296	334.519.525.725	5.928.097.223	263.624.000	399.513.065.453
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	12.569.864.135	14.135.191.347	191.022.165.901	2.842.117.151	263.624.000	220.832.962.534
- Khấu hao trong năm	1.210.648.224	4.145.220.877	24.804.957.394	558.294.460	-	30.719.120.955
- Thanh lý, nhượng bán	-	(429.999.522)	(12.536.188.447)	-	-	(12.966.187.969)
Số dư cuối năm	13.780.512.359	17.850.412.702	203.290.934.848	3.400.411.611	263.624.000	238.585.895.520
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	14.951.666.074	13.649.949.198	116.843.679.478	1.515.330.981	-	146.960.625.731
Tại ngày cuối năm	13.741.017.850	13.429.875.594	131.228.590.877	2.527.685.612	-	160.927.169.933

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 119.327.155.960 VND.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 31/12/2019, tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế lần lượt là 8.175.876.580 VND và 6.635.465.123 VND. Chi phí khấu hao đã kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm là 1.001.173.854 VND.

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.397.786.580 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	6.004.000	587.545
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.008.025.062	1.120.615.996
	1.014.029.062	1.121.203.541
b) Dài hạn		
Chi phí gắn đồng hồ nước	13.651.077.276	18.062.744.258
Chi phí sửa chữa TSCĐ	328.237.458	3.813.273.914
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.690.756.317	2.110.161.949
	15.670.071.051	23.986.180.121

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	43.086.612.082	43.086.612.082	48.907.593.407	48.907.593.407
- Công ty TNHH P.T.P	825.660.000	825.660.000	-	-
- Công ty TNHH Thương mại N.T.P	534.050.000	534.050.000	1.990.227.250	1.990.227.250
- Phải trả các đối tượng khác	12.007.453.573	12.007.453.573	9.480.381.249	9.480.381.249
	56.453.775.655	56.453.775.655	60.378.201.906	60.378.201.906
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	43.086.612.082	43.086.612.082	48.907.593.407	48.907.593.407

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Trả trước dịch vụ đồng hồ nước	1.311.471.029	1.356.818.835
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	37.504.436	40.341.112
	1.348.975.465	1.397.159.947

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	30.459.937	4.108.318.355	4.138.778.292	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.401.334.974	5.603.202.779	4.958.720.706	-	3.045.817.047
Thuế Thu nhập cá nhân	-	435.334.140	2.411.258.415	1.679.452.764	-	1.167.139.791
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	6.987.685.444	5.702.928.108	-	1.284.757.336
Các loại thuế khác	-	11.596.189	52.416.875	11.596.189	-	52.416.875
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.747.339.935	57.983.630.865	57.432.446.839	-	5.298.523.961
	-	7.626.065.175	77.146.512.733	73.923.922.898	-	10.848.655.010

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Trích trước tiền giao lưu hợp mặt cuối năm	1.170.000.000	-
- Trích trước tiền điện thoại	26.304.190	-
- Chi phí phải trả khác	1.150.360.704	82.506.690
	2.346.664.894	82.506.690

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	78.823.105	-
- Phải trả về cổ phần hoá	343.204.668	343.204.668
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	771.022.000	640.022.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	788.220.075	775.244.215
- Phải trả kinh phí Đảng	47.802.166	36.340.071
- Phải trả tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	66.803.995	103.083.393
- Phải trả các khoản bảo hiểm	-	7.339.331
- Phải trả cán bộ nhân viên	38.459.430	38.459.430
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	228.044.225	284.754.533
	<u>2.362.379.664</u>	<u>2.228.447.641</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	642.616.200	932.415.628
	<u>642.616.200</u>	<u>932.415.628</u>

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	109.000.000.000	431.588.293	37.963.761.925	15.890.784.722	163.286.134.940
Lãi trong năm trước	-	-	-	11.523.128.053	11.523.128.053
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.849.151.118	(1.849.151.118)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng ban quản lý, ban điều hành	-	-	-	(312.250.000)	(312.250.000)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	(8.720.000.000)	(8.720.000.000)
Số dư cuối năm trước	109.000.000.000	431.588.293	39.812.913.043	13.532.511.657	162.777.012.993
Số dư đầu năm nay	109.000.000.000	431.588.293	39.812.913.043	13.532.511.657	162.777.012.993
Lãi trong năm nay	-	-	-	13.569.844.744	13.569.844.744
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	358.395.263	(358.395.263)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.068.552.800)	(3.068.552.800)
Trích lập Quỹ khen thưởng ban quản lý, ban điều hành	-	-	-	(361.312.500)	(361.312.500)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	(8.720.000.000)	(8.720.000.000)
Số dư cuối năm nay	109.000.000.000	431.588.293	40.171.308.306	14.594.095.838	164.196.992.437

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
<i>Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2018</i>		11.523.128.053
<i>Lợi nhuận các năm trước để lại</i>		2.009.383.604
Tổng lợi nhuận dùng để phân phối	100,00	13.532.511.657
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2,65	358.395.263
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22,68	3.068.552.800
Trích lập Quỹ khen thưởng ban quản lý, ban điều hành	2,67	361.312.500
Chi trả cổ tức	64,44	8.720.000.000
(tương ứng mỗi cổ phần nhận 800 đồng)		
Lợi nhuận chưa phân phối	7,57	1.024.251.094

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	53,44	58.252.700.000	53,44	58.252.700.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	20,02	21.821.000.000	20,02	21.821.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á	10,00	10.900.000.000	10,00	10.900.000.000
- Các cổ đông khác	16,54	18.026.300.000	16,54	18.026.300.000
	100	109.000.000.000	100	109.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>109.000.000.000</i>	<i>109.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>109.000.000.000</i>	<i>109.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>775.244.215</i>	<i>816.097.855</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>8.720.000.000</i>	<i>8.720.000.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(8.707.024.140)</i>	<i>(8.760.853.640)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(8.707.024.140)</i>	<i>(8.760.853.640)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>788.220.075</i>	<i>775.244.215</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.900.000	10.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.900.000</i>	<i>10.900.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.900.000</i>	<i>10.900.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	40.171.308.306	39.812.913.043
	40.171.308.306	39.812.913.043

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất không hủy ngang trả tiền hằng năm, cụ thể như sau:

<u>Địa điểm thuê</u>	<u>Mục đích sử dụng</u>	<u>Thời hạn thuê</u>	<u>Diện tích đất (m²)</u>
- Số 470 Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Trạm bơm	50 năm kể từ ngày 02/01/2007	1.170,3
- Số 1179 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Trụ sở Công ty	50 năm kể từ ngày 21/05/2004	5.015,0

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	655.134.941.032	627.631.699.742
Doanh thu dịch vụ nước sạch (thay gắn ĐHN, sửa chữa...)	3.192.536.468	6.673.045.522
Doanh thu nước Sawanew	5.512.811.581	5.300.828.866
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	985.525.731	1.239.152.053
Doanh thu khác	177.684.419	944.785.978
	665.003.499.231	641.789.512.161
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	534.327.272	390.955.033

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	436.499.867.909	443.018.909.577
Giá vốn dịch vụ nước sạch (thay gắn ĐHN, sửa chữa...)	2.734.883.281	5.930.314.594
Giá vốn nước Sawanew	3.087.452.399	2.822.563.754
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	653.115.782	601.869.603
Giá vốn khác	135.749.026	63.551.742
	443.111.068.397	452.437.209.270

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	865.175.962	825.284.071
	865.175.962	825.284.071

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.187.979.173	28.120.174.392
Chi phí nhân công	61.476.343.152	57.227.545.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.569.463.062	19.597.441.260
Chi phí chống thất thoát nước	11.020.939.335	7.877.048.189
Chi phí bán hàng nước Sawanew	2.304.521.532	2.196.844.988
Chi phí bằng tiền khác	376.472.172	854.281.436
	132.935.718.426	115.873.335.459

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.691.799.210	2.513.004.559
Chi phí nhân công	26.086.496.638	22.322.940.471
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.749.046.121	3.529.403.336
Chi phí dự phòng	142.222.962	629.899.862
Thuế, phí, và lệ phí	6.682.673.859	3.548.596.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.811.526.728	1.552.613.797
Chi phí khác bằng tiền	31.000.408.771	25.617.427.622
	72.164.174.289	59.713.886.640

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.727.273	3.373.818
Thu nhập từ tiền bồi thường	409.392.182	-
Phí Bảo vệ môi trường	585.652.837	556.104.024
Thu nhập khác	82.160.213	16.426.901
	1.079.932.505	575.904.743

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phụ cấp từ phí bảo vệ môi trường	539.377.168	537.794.641
Các khoản bị phạt	225.326.288	-
Chi phí khác	1.801	23.594.353
	764.705.257	561.388.994

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	17.972.941.329	14.604.880.612
Các khoản điều chỉnh tăng	6.413.186.766	2.405.769.885
- Chi phí không được trừ	5.679.060.478	1.940.169.885
- Thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách	508.800.000	465.600.000
- Các khoản phạt	225.326.288	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.000.530.970)	(1.654.044.084)
- Hoàn nhập chi phí bảo hiểm năm trước đã loại trừ	1.715.357.249	61.313.165
- Chi phí bảo hiểm năm sau hạch toán vào năm nay (*)	(1.993.850.000)	(1.715.357.249)
- Chi phí thay đồng hồ	(3.089.276.437)	-
- Chi phí thay đai xám và trụ tín hiệu	(2.418.931.782)	-
- Chi phí in lịch	(213.830.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	30.386.659.065	18.664.694.581
Trong đó:		
Thu nhập ưu đãi thuế suất- thuế suất 10%	5.083.812.252	3.583.952.633
Thu nhập không được ưu đãi thuế suất - thuế suất 20%	25.302.846.813	15.080.741.948
Chi phí thuế TNDN đối với thu nhập được ưu đãi	508.381.225	358.395.263
Chi phí thuế TNDN đối với thu nhập không được ưu đãi	5.060.569.363	3.016.148.390
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.568.950.588	3.374.543.653
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	34.252.191	47.214.698
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.401.334.974	871.524.939
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4.958.720.706)	(1.891.948.316)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.045.817.047	2.401.334.974

(*) Chênh lệch giữa giá trị bảo hiểm nhân thọ ghi nhận vào chi phí và giá trị tính thuế TNDN trong năm 2019 là 1.993.850.000 VND. Điều này dẫn đến phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại giá trị tương ứng là 398.770.000 VND.

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.543.177.644	343.071.450
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.543.177.644	343.071.450

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.200.106.194)	(340.005.792)
	(1.200.106.194)	(340.005.792)

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	13.569.844.744	11.523.128.053
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.569.844.744	11.523.128.053
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.900.000	10.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.245	1.057

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.001.707.192	25.937.191.805
Chi phí nhân công	94.897.664.049	91.545.447.867
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.720.294.809	28.613.971.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.452.668.438	6.934.799.820
Chi phí khác bằng tiền	37.446.876.480	30.650.205.913
	208.519.210.968	183.681.617.054

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.972.454.503	-	19.699.426.552	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.172.101.737	(2.401.704.264)	20.367.701.651	(2.259.481.302)
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
	50.144.556.240	(2.401.704.264)	50.067.128.203	(2.259.481.302)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	59.458.771.519	63.539.065.175
Chi phí phải trả	2.346.664.894	82.506.690
	61.805.436.413	63.621.571.865

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.972.454.503	-	-	23.972.454.503
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.770.397.473	-	-	13.770.397.473
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	47.742.851.976	-	-	47.742.851.976

Tại ngày 01/01/2019

Tiền và các khoản tương đương tiền	19.699.426.552	-	-	19.699.426.552
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.108.220.349	-	-	18.108.220.349
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	47.807.646.901	-	-	47.807.646.901

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	58.816.155.319	642.616.200	-	59.458.771.519
Chi phí phải trả	2.346.664.894	-	-	2.346.664.894
	61.162.820.213	642.616.200	-	61.805.436.413
Tại ngày 01/01/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	62.606.649.547	932.415.628	-	63.539.065.175
Chi phí phải trả	82.506.690	-	-	82.506.690
	62.689.156.237	932.415.628	-	63.621.571.865

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn	Công ty con Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Công ty con Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà	Công ty con Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Công ty con Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Công ty con Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Công ty con Tổng Công ty
Nhà máy nước Thủ Đức	Đơn vị trực thuộc
Xí nghiệp Cấp nước Cần Giờ	Đơn vị trực thuộc
Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Công ty con Tổng Công ty
Xí nghiệp Cấp nước Sinh hoạt Nông thôn	Đơn vị trực thuộc
Xí nghiệp Truyền dẫn nước sạch Sài Gòn	Đơn vị trực thuộc

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		534.327.272	390.955.033
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ	120.828.182	132.957.272
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn	Công ty con TCT	38.027.273	31.945.455
- Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Công ty con TCT	83.150.000	72.104.545
- Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà	Công ty con TCT	-	14.836.363
- Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Công ty con TCT	7.114.545	10.925.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Công ty con TCT	-	5.333.673
- Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Công ty con TCT	244.590.909	77.636.363
- Nhà máy nước Thủ Đức	Đơn vị trực thuộc	8.914.545	10.509.090
- Xí nghiệp Cấp nước Cần Giờ	Đơn vị trực thuộc	1.801.818	2.580.000
- Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Công ty con TCT	10.145.455	14.836.363
- Xí nghiệp Cấp nước Sinh hoạt Nông thôn	Đơn vị trực thuộc	19.754.545	17.290.909

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		196.960.592	222.542.674
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	Công ty mẹ	138.511.674	154.092.674
- Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Công ty con TCT	7.150.000	62.650.000
- Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Công ty con TCT	-	650.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Công ty con TCT	1.340.000	1.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn	Công ty con TCT	6.320.000	3.160.000
- Xí nghiệp Cấp nước Sinh hoạt Nông thôn	Đơn vị trực thuộc	1.980.000	990.000
- Nhà máy nước Thủ Đức	Đơn vị trực thuộc	842.000	-
- Xí nghiệp Truyền dẫn nước sạch Sài Gòn	Đơn vị trực thuộc	40.816.918	-
Phải trả cho người bán ngắn hạn		43.086.612.082	48.907.593.407
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	Công ty mẹ	43.086.612.082	48.907.593.407

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	454.554.546	455.777.022
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.158.583.864	2.044.359.782

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Võ Thị Kim Loan
 Người lập


Vũ Thị Thùy Nga
 Kế toán trưởng


Lý Thành Tài
 Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

PHIẾU BIỂU QUYẾT

A. Thông tin cổ đông:

- Mã số cổ đông : ...
- Họ và tên : ...

- Số cổ phần sở hữu : ...
- Số cổ phần đại diện : ...
- Tổng số phiếu biểu quyết : ...

C. Ý kiến biểu quyết

B. Nội dung biểu quyết

Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến khác
--------	--------------	-------------

1. Báo cáo kết quả sản xuất-kinh doanh-tài chính năm 2019			
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019			-
3. Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát năm 2019			-
4. Một số chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2020			-
5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019			-
6. Tiền lương và thù lao thành viên HĐQT và Kiểm soát viên năm 2020			
7. Ủy quyền cho HĐQT thương thảo hợp đồng mua sỉ nước sạch			-
8. Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BC tài chính 2020			-

GHI CHÚ:

Quý cổ đông nên lựa chọn một trong hai ý kiến “ĐỒNG Ý” hay “KHÔNG ĐỒNG Ý”:

- Nếu đồng ý với chỉ tiêu biểu quyết nào thì đánh dấu “X” vào ô “ĐỒNG Ý” của chỉ tiêu đó;
- Nếu không đồng ý với chỉ tiêu biểu quyết nào thì đánh dấu “X” vào ô “KHÔNG ĐỒNG Ý” của chỉ tiêu đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-CNNB-ĐHĐCĐ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Căn cứ Quy chế quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè,

Ngày 28/4/2020, tại trụ sở Công, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã tiến hành phiên họp thường niên năm 2020 gồm các nội dung sau: ⁽¹⁾Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2019 (kèm Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán) và Phương hướng hoạt động năm 2020, ⁽²⁾Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019, ⁽³⁾Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch hoạt động năm 2020, ⁽⁴⁾Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2019, ⁽⁵⁾Trình chế độ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020, ⁽⁶⁾Trình ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2020, ⁽⁷⁾Trình xem xét và lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020. Từ kết quả biểu quyết của cổ đông tại Đại hội,

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ
Quyết nghị:**

Điều 1. Thông qua kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2019 theo Báo cáo số .../BC-CNNB-BGD ngày 17/04/2020 của Giám đốc Công ty (kèm Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán), với kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019 như sau: sản lượng nước 70.919 ngàn m³ (99,33% KH), tổng doanh thu 666.949 triệu đồng (100,86% KH), lợi nhuận trước thuế 17.973 triệu đồng (119,90% KH) [*Phụ đính: Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2019*].

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 theo Báo cáo số .../BC-CNNB-HĐQT ngày 17/4/2020 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch hoạt động năm 2020 theo Báo cáo số .../BC-CNNB-BKS ngày 17/4/2020 của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 4. Thông qua một số chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2020 như sau: Sản lượng nước tiêu thụ 73.5 triệu m³; Tổng doanh thu 753 ,845 tỉ đồng; Lợi nhuận trước thuế 18,606 tỉ đồng.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Tờ trình số ... /TTr-CNNB-HĐQT ngày 17/4/2020 của Hội đồng quản trị như sau:

Khoản mục	Số tiền (đồng)	Tỉ lệ (%)
A) Lợi nhuận năm trước còn lại	1.024.251.094	
B) Lợi nhuận sau thuế năm 2019	13.569.844.744	
C) Lợi nhuận phân phối năm nay (A+B):	14.594.095.838	100,00
1. Cổ tức (9%)	9.810.000.000	67,22
2. Quỹ đầu tư phát triển	508.381.225	3,48
3. Quỹ khen thưởng Ban điều hành	372.887.500	2,56
4. Quỹ khen thưởng người lao động	3.698.319.393	25,34
5. Lợi nhuận để lại	204.507.720	1,40

Điều 6. Thông qua chế độ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 theo Tờ trình số .../TTr-CNNB-HĐQT ngày .../4/2020 của Hội đồng quản trị như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách được hưởng lương và các lợi ích khác theo hệ thống thang - bảng lương và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

2. Thù lao của các thành viên không chuyên trách là: đối với thành viên HĐQT: 6.000.000 đồng/người/tháng/; đối với Kiểm soát viên: 3.100.000 đồng/người/tháng/

Điều 7. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2020 giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV theo Tờ trình số .../TTr-CNNB-HĐQT ngày 17/4/2020 của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị để thực hiện soát xét, kiểm toán các Báo cáo tài chính trong năm tài khóa 2020 theo

Tờ trình số .../TTr-CNNB-BKS ngày 17/4/2020 của Ban kiểm soát; trong các đơn vị sau:

a) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Số 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

b) Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY - Tầng 9 tòa nhà HL, 82 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

c) Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) - Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điều 9. Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- TV. HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- GD Cty;
- Lưu (CV. HĐQT).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



PHỤ ĐÍNH: KẾT QUẢ SẢN XUẤT-KINH DOANH-TÀI CHÍNH NĂM 2019
(Đính kèm Nghị quyết số /NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè)

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH2019/ KH 2019
A	B	1	2	3	4=3/2
A. SẢN XUẤT - KINH DOANH					
1. SL nước tiêu thụ	1.000m ³	69.013	71.400	70.919	99,33%
2. Gắn mới ĐHN	Cái	5.971	4.000	4.339	108,48%
3. Thay ĐHN nhỏ	Cái	18.106	20.000	20.095	100,48%
4. Thay ĐHN lớn	Cái	65	80	86	107,50%
5. Tỷ lệ thất thoát nước	%	17,35	16,80	13,08	-3,72%
B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG					
1. Phát triển mạng lưới	Triệu đồng	11.434	10.176	6.929	68,10%
2. Sửa chữa ống mục	Triệu đồng	9.550	11.530	10.526	91,30%
3. Hàm đồng hồ tổng	Triệu đồng	3.754	1.723	1.540	89,38%
C. TÀI CHÍNH					
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	643.191	661.240	666.949	100,86%
2. Tổng chi phí	Triệu đồng	628.586	646.250	648.976	100,42%
3. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.605	14.990	17.973	119,90%